

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 126/2021/DS- ST

Ngày: 30-9- 2021

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ánh Sửu
2. Ông Hoàng Tuyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Phòng xử án- Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/QĐST-DS, ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (sau gọi là Ngân hàng).

Địa chỉ: Tháp B, X Hàng Vôi, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

Đơn vị được uỷ quyền khởi kiện: Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk, do ông: Văn Thanh C, người đứng đầu Chi nhánh làm đại diện (Văn bản uỷ quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 của người đại diện theo pháp luật - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ về việc uỷ quyền tham gia tố tụng).

Người đại diện khởi kiện theo uỷ quyền: Ông Phạm Văn C; chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh B Đắk Lắk (Văn bản uỷ quyền số: 1193/BIDV.BĐL ngày 10 tháng 09 năm 2019 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Đắk Lắk (nay là Chi nhánh Buôn Hồ) về việc uỷ quyền lại tham gia tố tụng).

Người được uỷ quyền lại: Ông Hoàng Văn Kh - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch E thuộc Ngân hàng TMCP Đ Buôn Hồ (Văn bản uỷ quyền số

1915/BIDV.BĐL ngày 21 tháng 12 năm 2020 và số 1093/BIDV,BĐL ngày 29 tháng 6 năm 2021). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tấn Ph, sinh năm 1981 và bà Lê Thị Thảo S, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Thôn 6, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk). Ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 2018, vợ chồng ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S có ký các đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Buôn Hồ - Phòng Giao dịch E, cụ thể:

- Ngày 28/8/2018 ký hợp đồng tín dụng số: 01/2018/10316269/HĐTD để vay số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); lãi suất cho vay trong hạn 10,4%,/năm và được điều chỉnh lãi suất cho vay của BIDV tại thời điểm điều chỉnh; thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 28/08/2018, ngày đến hạn trả nợ là ngày 28/08/2019;

- Ngày 28/8/2018 ký hợp đồng tín dụng số: 02/2018/10316269/HĐTD để vay số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng); lãi suất cho vay trong hạn 11,9%,/năm và được điều chỉnh lãi suất cho vay của BIDV tại thời điểm điều chỉnh; thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 28/08/2018, ngày đến hạn trả nợ là ngày 28/08/2019.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng nói trên, ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S ký các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Buôn Hồ - Phòng Giao dịch E, cụ thể:

- Hợp đồng số: 01/2017/10316269/HĐBĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2017 tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CC 611404 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 29 tháng 12 năm 2015 cho ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị D (chỉnh lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S ngày 04/10/2017), đối với thửa đất số 10 (50), tờ bản đồ số 96 (49 đo năm 2009), diện tích 17.286,9 m² (đất trồng cây lâu năm); địa chỉ thửa đất tại Buôn D, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

- Hợp đồng số: 01/2018/10316269/HĐBĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2018 tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 553751 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 28 tháng 01 năm 2008 cho hộ ông Phan Thanh T (chỉnh lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Phú và bà Lê Thị Thảo S ngày 12/01/2017), đối với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 96, diện tích 9.444,0 m² (đất trồng cây lâu năm); địa chỉ thửa đất tại Suối C, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ph và bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến thời hạn trả nợ, mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu, nhưng ông Ph và bà S

lẩn tránh, không hợp tác và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như điều khoản đã ký kết. Do vậy, ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc vợ chồng ông Ph và bà S có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Buôn Hồ - Phòng giao dịch E tổng số tiền là **1.602.452.298 đồng**; trong đó nợ gốc 1.100.000.000 đồng; nợ lãi và phí chậm trả lãi tạm tính đến ngày 30/9/2021 là: 502.452.298 đồng. Cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/10316269/HĐTD, ngày 28/8/2018: tiền nợ gốc là: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); nợ lãi và phí chậm trả lãi tính đến ngày 30/9/2021 là: 168.156.427. Trong đó: Lãi trong hạn: 41.600.000 đồng, đã trả 10.257.534 đồng, còn lại 31.342.466 đồng; lãi quá hạn: 130.270.685 đồng; phí chậm trả lãi: 6.543.276 đồng;

+ Hợp đồng tín dụng số: 02/2018/10316269/HĐTD, ngày 28/8/2018: tiền nợ gốc là: 700.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); nợ lãi và phí chậm trả lãi tính đến ngày 30/9/2021 là: 334.295.521. Trong đó: Lãi trong hạn: 83.300.000 đồng, đã trả 22.739.726 đồng, còn lại 60.560.274 đồng; lãi quá hạn: 260.854.521 đồng; phí chậm trả lãi: 12.881.076 đồng;

- Buộc vợ chồng ông Phú và bà Sương phải tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết;

- Tài sản đã thế chấp tại các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 01/2018/10316269/HĐBĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2018 và 01/2017/10316269/HĐBĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Buôn Hồ - Phòng giao dịch E đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài nội dung trên, Ngân hàng không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Ph và bà S lẩn tránh không tham gia tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, HĐXX thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông ông Phú và bà Sương trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng đến thời điểm trả nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ngoài ra, cần buộc ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt. Do vậy, Tòa án không tiến hành công khai chứng cứ, hoà giải đối với các đương sự được.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai phải có mặt tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung tranh chấp: Vào năm 2018, vợ chồng ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S có ký các đồng tín dụng với Ngân hàng Đ - Chi nhánh Buôn Hồ - Phòng Giao dịch E. Cụ thể: Ngày 28/8/2018 ký hợp đồng tín dụng số: 01/2018/10316269/HĐTD để vay số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); lãi suất cho vay trong hạn 10,4%/năm và được điều chỉnh lãi suất cho vay của BIDV tại thời điểm điều chỉnh; thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 28/08/2018, ngày đến hạn trả nợ là ngày 28/08/2019; Ngày 28/8/2018 ký hợp đồng tín dụng số: 02/2018/10316269/HĐTD để vay số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng); lãi suất cho vay trong hạn 11,9%/năm và được điều chỉnh lãi suất cho vay của BIDV tại thời điểm điều chỉnh; thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 28/08/2018, ngày đến hạn trả nợ là ngày 28/08/2019.

Căn cứ kết luận giám định số 117/PC09 ngày 26/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận chữ ký, chữ viết tên ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S ở phần đại diện bên vay, trong Giấy uỷ quyền đề ngày 06/10/2017, Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10316269/HĐTD đề ngày 28/8/2018, Hợp đồng tín dụng số 02/2018/10316269/HĐTD đề ngày 28/8/2018, so với chữ ký, chữ viết tên ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S tại các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 01/2017/10316269/HĐBĐ ngày 05/10/2017 và 02/2018/10316269/HĐBĐ, ngày 28/8/2018 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm lưu tại Ngân hàng do ngân hàng cung cấp, xác định do ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S cùng ký và viết ra.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc xác lập các hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Tấn Ph, bà Lê Thị Thảo S là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015. Khi thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay tài sản, nhưng ông Ph, bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung thỏa thuận.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền là **1.602.452.298 đồng**. Trong đó nợ gốc 1.100.000.000 đồng; nợ lãi và phí chậm trả lãi tính đến ngày 30/9/2021 là: 502.452.298 đồng.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S phải tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết;

[3] Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng nói trên, ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S ký các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Buôn Hồ - Phòng Giao dịch E. Cụ thể: Hợp đồng số: 01/2017/10316269/HĐBĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2017 tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CC 611404 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 29 tháng 12 năm 2015 cho ông Lê Quang L và bà Nguyễn Thị D (chính lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S ngày 04/10/2017), đối với thửa đất số 10 (50), tờ bản đồ số 96 (49 đo năm 2009), diện tích 17.286,9 m² (đất trồng cây lâu năm); địa chỉ thửa đất tại Buôn D, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Hợp đồng số: 01/2018/10316269/HĐBĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2018 tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AK 553751 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 28 tháng 01 năm 2008 cho hộ ông Phan Thanh T (chính lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S ngày 12/01/2017), đối với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 96, diện tích 9.444,0 m² (đất trồng cây lâu năm); địa chỉ thửa đất tại Suối C, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên được xác lập tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 325 của Bộ luật Dân sự; điểm a Điều 4; khoản 1 Điều 5; Điều 6; khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về việc đăng ký biện pháp bảo đảm. Do vậy, đây thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên các tài sản thế chấp được bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi vợ chồng ông Ph và bà S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ như đã cam kết.

[4]. Về chi phí tố tụng :

Do bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Tấn Ph, bà Lê Thị Thảo S được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do nên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Tấn Ph, bà Lê Thị Thảo S và nộp tạm ứng chi phí giám định là 5.670.000 đồng. Căn cứ kết luận giám định của Phòng khoa học kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk thì yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định số tiền là 5.670.000 đồng theo Điều 159, khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, nên cần buộc bị đơn phải hoàn trả 5.670.000 đồng này cho nguyên đơn.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là 2.000.000 đồng.

[5]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm c khoản 1 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 157 và khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 325; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào điểm a Điều 4; khoản 1 Điều 5; Điều 6; khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 39 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về việc đăng ký biện pháp bảo đảm.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

1/ Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Buôn Hồ - Phòng giao dịch E tổng số tiền **1.602.452.298 đồng**. Trong đó nợ gốc 1.100.000.000 đồng; nợ lãi và phí chậm trả tính đến ngày 30/9/2021 là: 502.452.298 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Buôn Hồ - Phòng giao dịch E.

2/ Trường hợp ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ như đã cam kết cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Buôn Hồ - Phòng giao dịch E, thì tài sản đã thế chấp tại các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 01/2017/10316269/HĐBĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2017 và Hợp đồng số: 01/2018/10316269/HĐBĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2018 được xử lý theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3/ Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S liên đới phải chịu 5.670.000 đồng tiền chi phí giám định và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí thẩm định tài sản. Ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi

nhánh Buôn Hồ - Phòng giao dịch E số tiền 5.670.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*) tạm ứng chi phí giám định và 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền chi phí thẩm định tài sản.

4/ Về án phí: Ông Nguyễn Tấn Ph và bà Lê Thị Thảo S phải chịu 60.073.000 đồng (Sáu mươi triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 26.547.000 (Hai mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí do Ngân hàng TMCP Đ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số AA/2019/0012486, ngày 25 tháng 02 năm 2021.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện E;
- THADS huyện E;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vì tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy